TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 50

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số bé nhất trong các số 4 310 268, 1 340 268, 4 310 278, 1 339 268 là:

A. 4 310 268 **B.** 1 339 268 **C.** 1 340 268 **D.** 4 310 278

Câu 2. Làm tròn số 439 881 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 400 000 **B.** 500 000 **C.** 0 **D.** 440 000

Câu 3. Quân mua 3 quyển truyện, mỗi quyển giá 12 000 đồng và 5 cái bút, mỗi cái giá 5000 đồng. Quân đưa cô bán hàng 100 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Quân:

A. 44 000 đồng **B.** 64 000 đồng **C.** 61 000 đồng **D.** 39 000 đồng

Câu 4. Giá trị của biểu thức a + b × 5 với a = 4930, b = 605 là:

A. 7965 **B.** 27 675 **C.** 7955 **D.** 5540

Câu 5. Chiến thắng Điện Biên Phủ vào năm 1954. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 172 **B.** 72 **C.** 62 **D.** 73

Câu 6. Hình bình hành ABCD có AB = 15 cm, BC = 11 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 60 cm **B.** 165 cm **C.** 52 cm **D.** 26 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 442 447, 342 744, 342 474, 342 447, 324 447.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2499 + 580 + 420 = …….

b) 5915 + 7414 − 915 = …….

c) 476 + 3450 + 24 = …….

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 tấn 59 kg = ……. kg

b) 8 tạ = ……. yến

c) 2 m^2 77 dm^2 = ……. dm^2

d) 3 phút 41 giây = ……. giây

Bài 4. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 2 tấn 500 kg ……. 2500 kg

b) 6 m^2 5 dm^2 ……. 650 dm^2

c) 3 thế kỉ ……. 290 năm

d) 1 550 433 ……. 1 550 333

Bài 5. Một hình thoi có chu vi 108 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: ……. cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: ……. cm

c) Diện tích hình vuông đó: ……. cm^2

Bài 6. Một cửa hàng có 25 thùng sữa, mỗi thùng 21 hộp. Cửa hàng đã bán 155 hộp, số hộp còn lại xếp đều vào 5 kệ. Hỏi mỗi kệ có bao nhiêu hộp sữa?

a) Cửa hàng có: ……. hộp

b) Còn lại: ……. hộp

c) Mỗi kệ có: ……. hộp

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 50

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	D	C	B	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 442 447, 342 744, 342 474, 342 447, 324 447

b) 442 447 − 324 447 = 118 000

Bài 2.

a) 2499 + (580 + 420) = 2499 + 1 000 = 3499

b) (5915 − 915) + 7414 = 5000 + 7414 = 12 414

c) (476 + 24) + 3450 = 500 + 3450 = 3950

Bài 3.

a) 4000 + 59 = 4059

b) 1 tạ = 10 yến: 80

c) 200 + 77 = 277

d) 3 × 60 + 41 = 221

Bài 4.

a) 2500 = 2500

b) 605 < 650

c) 300 > 290

d) 1 550 433 > 1 550 333

Bài 5.

a) 108 : 4 = 27 (cm)

b) 27 × 4 = 108 (cm)

c) 27 × 27 = 729 (cm²)

Bài 6.

Có: 25 × 21 = 525 (hộp)

Còn lại: 525 − 155 = 370 (hộp)

Mỗi kệ: 370 : 5 = 74 (hộp)